

Phụ lục

DANH SÁCH NHÀ Ở HÌNH THÀNH TƯƠNG LAI ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN, THUÊ MUA

(Kèm theo Thông báo số /TB-SXD ngày /01/2025 của Sở Xây dựng

STT	Ký hiệu lô căn	Quy mô căn hộ	Diện tích đất (m2)	DIỆN TÍCH (M2)			Ghi chú
				Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn (m2)	Tên đường	
	NHÀ Ở THƯƠNG MẠI						
	LÔ L11						
1	11	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
2	12	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
3	13	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
4	14	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
5	15	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
6	16	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
7	17	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
8	18	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
9	19	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
10	20	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
11	21	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
12	22	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
13	22A	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
14	24	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
15	25	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
16	26	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
17	27	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
18	28	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
19	29	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
20	30	01 trệt 01 lầu	125	67,50	140,65	Đường số 2	Nhà phố 01 trệt 01 lầu
Tổng cộng	20		2.500	1.350,0	2.813,00		